

Bản án số: 158/2026/HS-PT

Ngày: 10/03/2026

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM-TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: ông Vũ Ngọc Huynh;
bà Hồ Thị Thanh Thúy.

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lua, Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm-Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trần Ngọc Đ, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 364/2025/TLPT - HS ngày 17/10/2025 đối với bị cáo Trần Thiện L;

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 591/2025/HS-ST ngày 12/09/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thiện L, sinh năm 1969 tại Quảng Ngãi;

Nơi đăng ký thường trú: 70/23/7 Đô Đốc L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là 70/23/7 Đô Đốc L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; là con của ông Trần C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh M; bị cáo có vợ và có 02 người con (người con lớn sinh năm 2001, người con nhỏ sinh năm 2006);

Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam ngày 28/05/2024 (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Tạ Thanh P, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

(Trong vụ án này, còn có người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác, nhưng họ không có kháng cáo; Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thiện L quen biết với bà Võ Thị Mỹ D (bởi vì cùng học phổ thông cấp 3 tại tỉnh Quảng Ngãi). Sau đó, cả hai người đều lập gia đình và chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống.

Đến năm 2018, L biết tin bà D đã ly hôn, đang sinh sống cùng với con gái (là chị Nguyễn Quỳnh T tại số A N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh), nên chủ động liên lạc và sau đó, cả hai người có mối quan hệ tình cảm với nhau. Đến năm 2022, do thiếu nợ nhiều người và biết bà D có ý định mua đất ở tỉnh Quảng Ngãi (để sau này chuyển về quê sinh sống), L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền (của bà D) để tiêu xài và trả nợ.

Để thực hiện ý định của mình, L nói dối rằng được thừa kế 01 mảnh đất, loại đất nông nghiệp, diện tích là 11m x 24m tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, đang nhờ (một người tên C, làm việc ở Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện M, tỉnh Quảng Ngãi) làm giấy tờ; L nói rằng nếu bà D muốn mua, sẽ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) đứng tên bà D. Nghe nói như vậy, bà D đồng ý và đề nghị làm giấy tờ cho chị Nguyễn Quỳnh T đứng tên.

Vào ngày 08/02/2023, L đến nhà bà D, đọc cho chị T viết hợp đồng mua bán đất có nội dung như sau: L đồng ý bán cho chị Nguyễn Quỳnh T lô đất có diện tích 11m x 24m thuộc địa phận xã Đ với giá 500.000.000 đồng. Khi hợp đồng viết xong, bà D đưa cho L 300.000.000 đồng và thỏa thuận rằng sẽ trả hết 200.000.000 đồng còn lại khi làm xong giấy tờ (đứng tên chị T). Tiếp sau đó, L nhiều lần đến nhà bà D, yêu cầu đưa thêm tiền để làm thủ tục về đất (vào các ngày 15/03/2023, 27/04/2023, 10/05/2023, 16/05/2023, 15/06/2023). Vì vậy, bà D đã đưa cho L tổng cộng là 420.000.000 đồng.

Đến ngày 23/06/2023, L nhờ Mai Văn H, đóng giả một người tên là T1 (làm ở Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện M, tỉnh Quảng Ngãi), gọi điện thoại cho bà D và nói rằng đang làm giấy tờ đất tại tỉnh Quảng Ngãi cho L, nhưng chưa xong (để cho bà D tin tưởng). Đến chiều cùng ngày, L đến nhà bà D, đề nghị đưa thêm 28.000.000 đồng (để đưa cho T1 làm giấy tờ đất); tin là thật, bà D đã đưa 28.000.000 đồng cho L.

Trong khoảng thời gian sau đó, cũng với thủ đoạn cần thêm tiền để làm giấy tờ đất, L đã nhiều lần yêu cầu bà D đưa tiền, cụ thể là vào các ngày

15/08/2023, 05/09/2023, 07/09/2023, 12/09/2023 và 24/09/2023; vào những lần này, bà D đưa cho L tổng cộng là 159.000.000 đồng. Sau đó, L tiếp tục nhiều lần yêu cầu đưa thêm tiền (cũng với lý do là để làm giấy tờ đất), nên bà D (đã nói với chị T) chuyển khoản nhiều lần cho L, tổng số tiền là 136.000.000 đồng.

Đến ngày 16/05/2024, bà D trình báo sự việc nói trên với Công an phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 36, 37); bà D nói rằng tổng số tiền mà L đã chiếm đoạt (thông qua việc lừa bán đất), là 743.000.000 đồng; số tiền 12.600.000 đồng (đưa vào ngày 02/03/2022), là cho L để về quê; số tiền 34.000.000 đồng (đưa vào ngày 03/02/2024) và 50.000.000 đồng (đưa vào ngày 26/2/2024), là tiền mà L mượn của bà D để chữa bệnh.

Vào ngày 28/05/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bắt Trần Thiện L để tạm giam (bút lục số 11). Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an Thành phố H, L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nói trên và thừa nhận rằng đã dùng hết số tiền chiếm đoạt vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng như sau: 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max (thu giữ của Mai Văn H) và 01 điện thoại di động OPPO (thu giữ của L).

Bà Nguyễn Thị T2 (vợ bị cáo Trần Thiện L) đã bồi thường 500.000.000 đồng cho bà D. Vì vậy, bà D không yêu cầu bồi thường thêm và làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Tại Cáo trạng số 438/CT-VKS-P2 ngày 01/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Thiện Lâm về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điểm a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 591/2025/HS-ST ngày 12/09/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử như sau:

-Áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điều 7; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thiện L 11 (mười một) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/05/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 15/9/2025, bị cáo Trần Thiện L có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày yêu cầu kháng cáo như sau:

-Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến như sau:

-Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Thiện L 11 (mười một) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng pháp luật;

-Bị cáo kháng cáo đề xin giảm hình phạt, nhưng không có tình tiết/chứng cứ gì mới, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến như sau:

-Giữa bị cáo và người bị hại có mối quan hệ quen biết với nhau. Trong tổng số tiền mà bị cáo bị quy kết chiếm đoạt (743.000.000 đồng), thì có một phần là do người bị hại cho hủn bị cáo. Trong quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã không làm rõ được bao nhiêu là tiền chiếm đoạt/bao nhiêu là tiền tặng-cho, nhưng bị cáo vẫn thừa nhận toàn bộ là tiền chiếm đoạt;

-Gia đình bị cáo có thừa đất tại Quảng Ngãi (đất cấp cho hộ gia đình); bị cáo có hộ khẩu tại đó, nên được xem là bị cáo có đất, có thể giao dịch mua-bán với người bị hại, mặc dù thủ tục hành chính chưa làm xong;

-Số tiền chiếm đoạt được giao làm nhiều lần. Vì vậy, nếu đã lấy tổng số tiền để làm căn cứ xác định khung hình phạt, thì việc giao-nhận tiền làm nhiều lần sẽ không được xem là tình tiết “*Phạm tội hai lần trở lên*” để tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Đ1 g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

-Hiện nay, bị cáo đã trả hết tiền cho người bị hại (gia đình bị cáo trả số tiền 500.000.000 đồng/tổng số tiền chiếm đoạt 743.000.000 đồng, nhưng người bị hại không yêu cầu trả thêm).

Với những ý kiến trình bày nói trên, Luật sư cho rằng hình phạt 11 năm tù là quá nặng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Do sự quen biết với bà Võ Thị Mỹ D và dựa vào sự tin tưởng của bà Võ

Thị Mỹ D, bị cáo Trần Thiện L đưa ra thông tin không có thật (về việc bị cáo có 01 thửa đất, diện tích là 11 x 24m tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đang muốn bán), để từ đó ký kết hợp đồng mua bán (bằng giấy tay), chiếm đoạt tiền từ bà Võ Thị Mỹ D.

Kết quả điều tra đã xác định tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt (thông qua việc lừa bán đất), là 743.000.000 đồng (bút lục số 75).

[2]Như vậy, Tòa án có căn cứ để xác định rằng bị cáo Trần Thiện L đã phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thuộc vào trường hợp "*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*", chiếu theo Đ1 a Khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét việc bị cáo cho rằng không lừa đảo bà Võ Thị Mỹ D (vì bị cáo có đất để bán) và chỉ nhận từ bà Võ Thị Mỹ Duyên S tiền 300.000.000 đồng, là không đúng.

[3]Xét về việc quyết định hình phạt:

[3.1]Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Việc bị cáo chiếm đoạt tài sản của bà Võ Thị Mỹ D diễn ra trong nhiều lần, thuộc trường hợp "*Phạm tội 02 lần trở lên*"; đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chiếu theo Đ1 g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.2]Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, đã bồi thường số tiền chiếm đoạt cho người bị hại; người bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.3]Căn cứ vào hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 11 năm tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị xét xử); việc xét xử như vậy là phù hợp với luật định.

Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới; Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ pháp luật để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 330; Điều 345; Điều 355 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

1/Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thiện L; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 591/2025/HS-ST ngày 12/09/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm hình sự, như sau:

Áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điều 7; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Trần Thiện L 11 (mười một) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; thời hạn tù tính từ ngày 28/05/2024.

2/Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/Về án phí phúc thẩm: bị cáo Trần Thiện L phải chịu 200.000 đồng.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Tp Hồ Chí Minh;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP.HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng